TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;
2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn D 28 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y, có mặt.
Bị đơn: Chị Triệu Thị H 26 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07-6-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Lương Văn D trình bày: Anh và chị Triệu Thị H kết hôn tháng 12-2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, sinh con được ba tháng thì chị H bỏ đi làm ăn, thương con anh đi đón chị H về một thời gian lại bỏ đi, cứ thích thì về, không thích lại bỏ đi. Đầu năm 2022 chị H bỏ đi hẳn và bảo anh tự đi giải quyết ly hôn. Gia đình đã khuyên nhủ nhưng chị H không nghe. Xác định không còn tình cảm anh đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Anh và chị

Triệu Thị H có một cháu là Lương Hà M sinh ngày 12-12-2017; ly hôn anh sẽ nuôi cháu My, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ của ai.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Triệu Thị H vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho anh Lương Văn D được ly hôn với chị Triệu Thị H, giao con chung Lương Hà M cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Lương Văn D và chị Triệu Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Triệu Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn D và chị Triệu Thị H kết hôn năm 2017, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên

trong thời gian qua vợ chồng anh D- chị H không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Triệu Thị H không có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Tại phiên toà anh Lương Văn D khẳng đình tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Lương Văn D và chị Triệu Thị H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lương Văn D có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lương Văn D và chị Triệu Thị H có một cháu là Lương Hà M sinh ngày 12-12-2017. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh D đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế chị H đang đi làm xa; trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu M thường xuyên ở với bố. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án chị H không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cháu Lương Hà M cho anh Lương Văn D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh D không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh D xác định không có.

[5] Về án phí: Anh Lương Văn D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lương Văn D được ly hôn với chị Triệu Thị H.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Lương Hà M sinh ngày 12-12-2017 cho anh Lương Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Lương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận anh D đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0003593 ngày 07-6-2023.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lương Văn D có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Triệu Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã ĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô